



Vocabulary List 单字表

Story Title in the Dim Sum Warriors App:

“Magic Mama”《魔法妈妈》

				Do I know this word? 我认识这个词吗?		
				Yes 懂	Maybe 大概懂	No 不懂
1	take part	参加	can jiā			
2	rugby	橄榄球	gǎn lǎn qiú			
3	see you all soon	回頭见	huí tóu jiàn			
4	magician	魔法师	mó fǎ shī			
5	full-time	全职	quán zhí			
6	actually	正确来说	zhèng què lái shuō			
7	CEO	总裁	zǒng cái			
8	monitor	检查	jiǎn chá			
9	schoolwork	学校作业	xué xiào zuò yè			
10	manage	管	guǎn			
11	expenses	开销	kāi xiāo			
12	fixing	修理	xiū lǐ			
13	laundry	要洗的衣服	yào xǐ de yī fú			
14	medical appointment	看医生	kàn yī shēng			
15	dental appointment	看牙医	kàn yá yī			
16	tour plans	旅遊计画	lǚ yóu jì huà			
17	keep track of	掌握	zhǎng wò			
18	not possible	不可能	bù kě néng			
19	mini	迷你	mí nǐ			
20	onion	洋葱	yáng cōng			
21	army	军团	jūn tuán			
22	multiple bodies	分身	fēn shēn			

23	call up/ summon	召唤	zhào huàn			
24	universes	宇宙	yǔ zhòu			
25	magic	魔法	mó fǎ			
26	most people	很多人	hěn duō rén			
27	notice	注意	zhù yì			
28	teach	教	jiào			
29	apprentices	学徒	xué tú			
30	patience	耐心	nài xīn			
31	no problem	没问题	méi wèn tí			
32	spell	魔法咒语	mó fǎ zhòu yǔ			
33	filling	填	tián			
34	folding clothes	叠衣服	dié yī fú			